

## Mục lục

### Table of Contents

<b>Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa của nông hộ ở Đồng bằng sông Cửu Long</b>	<b>1</b>
<i>Factors affecting to farmer's decision making to participate to the agricultural insurance programs on rice crops in Vietnam's Mekong Delta</i>	
<b>Phan Đình Khôi, Khuu Thị Phương Đông, Đặng Duy Khoa, Nguyễn Thị Ngọc Hoa</b>	
<b>Vai trò trách nhiệm xã hội, định hướng khách hàng và sự trung thành của khách hàng trong lĩnh vực ngân hàng tại tỉnh Tiền Giang</b>	<b>14</b>
<i>The role of corporate social responsibility, customer orientation and customer loyalty in banking sector in Tien Giang province</i>	
<b>Võ Kim Nhuận, Nguyễn Thị Ngọc Phương</b>	
<b>Đánh giá nhận thức của đồng bào Raglay về vai trò công trình hồ thủy lợi Sông Sắt trong hoạt động sản xuất nông nghiệp tại huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận</b>	<b>30</b>
<i>Assessing the awareness of Raglay people on the role of Song Sat irrigation system for agricultural production in Bac Ai district, Ninh Thuan province</i>	
<b>Phạm Trung Hậu, Trương Thị Thanh Vân, Nguyễn Hữu Lộc, Đặng Tường Anh Thư, Nguyễn Thị Trà, Trần Hoài Nam</b>	
<b>Nguồn gốc và ý nghĩa của các khái niệm chỉ lúa ngô, ngô, bắp, bẹ... của các tộc người Việt Nam</b>	<b>40</b>
<i>Origin and meaning of the various concepts of maize of Vietnam's ethnic groups</i>	
<b>Lý Tùng Hiếu</b>	
<b>Về công trình Văn học Việt Nam hiện đại (1945-1960) của Giáo sư Nhà giáo Nhân dân Hoàng Như Mai</b>	<b>49</b>
<i>On "Contemporary Vietnamese Literature (1945-1960)" works by Professor Hoang Nhu Mai</i>	
<b>Nguyễn A Say</b>	
<b>Tiểu thuyết Miền hoang tưởng của Nguyễn Xuân Khánh nhìn từ lý thuyết trò chơi</b>	<b>58</b>
<i>"Mien hoang tuong" novel by Nguyen Xuan Khanh throught the lens of game theory</i>	
<b>Hoàng Thị Hồng An, Phạm Thị Thu Thủy, Bùi Thị Bích Tiệp</b>	

**Nhân vật nhà sư hoàn tục trong tiểu thuyết *Hồ Quý Ly* và *Đội gạo lên chùa* của Nguyễn Xuân Khánh 67**

*The character of the monk who returned the secular life in novel “Ho Quy Ly” and “Doi gao len chua” by Nguyen Xuan Khanh*

**Trần Văn Hải**

**Quan niệm nghệ thuật về con người trong tiểu thuyết *Hoa Trân của dòng họ* của Nguyễn Thị Diệp Mai 79**

*Artistic conception about human in the novel “Hoa Tran cua dong ho” by Nguyen Thi Diep Mai*

**Bùi Ngọc Luyến**

**Tinh thần sinh thái trong tiểu thuyết *Con đập ngăn Thái Bình Dương* của Marguerite Duras và *Biên sử nước* của Nguyễn Ngọc Tư 93**

*The ecological spirit in Marguerite Duras’ The sea wall and Nguyen Ngoc Tu’s Bien su nuoc*

**Nguyễn Thị Tuyết, Nguyễn Lâm Hồng Thắm**

**Cơ sở hình thành biểu tượng tu viện Thélème trong *Gargantua* và *Pantagruel* của Francois Rabelais 109**

*The basis for formation the Abbey Thelema symbol in “Gargantua” and “Pantagruel” by François Rabelais*

**Lê Hữu Nhật Duy, Huỳnh Thị Mai Trinh**

**Tiểu thuyết *Những người đàn bà tắm* của Thiết Ngưng từ góc nhìn phê bình nữ quyền 120**

*Approaching the novel “The bathing women” of Tie Ning from the perspective of feminist criticism*

**Nguyễn Thị Thu Giang**

**Kiến trúc Phật giáo Borobudur và những sáng tạo mới 134**

*Borobudur Buddhist architecture and new creation*

**Trần Thị Huệ**

## Nhân vật nhà sư hoàn tục trong tiểu thuyết *Hồ Quý Ly* và *Đội gạo lên chùa* của Nguyễn Xuân Khánh

**Trần Văn Hải**

*Trường THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Thành phố Hồ Chí Minh*

*Email: tranvanhai438@gmail.com*

*Ngày nhận bài 27/12/2021; Ngày sửa bài: 02/03/2022; Ngày duyệt đăng: 02/03/2022*

### Tóm tắt

*Nhân vật giữ vai trò quan trọng trong các tác phẩm văn học. Nó là nơi nhà văn ký thác nội dung tư tưởng, quan điểm thẩm mỹ về hiện thực cuộc sống. Trong tiểu thuyết “*Hồ Quý Ly*” và “*Đội gạo lên chùa*”, Nguyễn Xuân Khánh đã xây dựng hệ thống nhân vật đồ sộ với nhiều mối quan hệ khác nhau, trong đó, chúng tôi đặc biệt chú ý đến kiểu nhân vật nhà sư hoàn tục. Họ đến với cửa chùa do sự đẩy đưa của số phận nhưng cuối cùng phải hoàn tục khi biết mình chưa dứt duyên nợ trần gian, khi bị cuốn vào cơn biến động của lịch sử. Dù hoàn tục, các nhân vật ấy vẫn ứng xử theo giáo lý nhà Phật một cách chân thành, sâu sắc.*

*Từ khóa: *Đội gạo lên chùa*, *Hồ Quý Ly*, Nguyễn Xuân Khánh, nhà sư hoàn tục, nhân vật*

### **The character of the monk who returned the secular life in novel *Ho Quy Ly* and *Doi gao len chua* by Nguyen Xuan Khanh**

#### Abstract

*Characters play an important role in literary works. It is the place where writers deposit ideological content and aesthetic views on real life. In the novels “*Ho Quy Ly*” and “*Doi gao len chua*”, Nguyen Xuan Khanh has built a colossal character system with many different relationships in which the type of character: secular life-returning monk is paid special attention. They come to the pagoda door due to the push of fate, but eventually have to return to the secular life knowing that they have not finished their worldly debt and being caught up in the turmoil of history. Despite returning to the secular life, these characters still abide by Buddhist teachings in a sincere and profound way.*

*Keywords: characters, Doi gao len chua (Carrying rice to pagoda), Ho Quy Ly, Nguyen Xuan Khanh, secular life-returning monk*

#### Mở đầu

Nguyễn Xuân Khánh là nhà văn có bút lực dồi dào của văn học Việt Nam đầu thế kỷ XXI. Bút lực ấy có được từ sự cộng dồn của tài năng, tri thức, kinh nghiệm cùng tâm huyết với chữ nghĩa. Nó khởi phát rồi bùng tỏa khi ông đã ở cái tuổi xưa nay hiếm. Trong khoảng hơn mười năm, người con làng Cổ Nhuế (Hà Nội) đã ra mắt bạn đọc

liên tiếp ba cuốn tiểu thuyết với dung lượng lớn: *Hồ Quý Ly* (2000), *Mẫu thượng ngàn* (2006), *Đội gạo lên chùa* (2011). Ông thực sự xứng đáng với lời ca ngợi “gốc mai già vẫn rừng rực nở hoa”. Tiếp cận ba cuốn tiểu thuyết trên, chúng ta như được đắm mình trong bầu khí quyền của văn hóa Việt Nam mà điểm nhấn là tư tưởng Nho giáo, Phật giáo, đạo Mẫu. Từ đó, độc giả nhận ra sự

uyên thâm của một tác giả nặng nợ với những giá trị văn hóa dân tộc và đầy đau đầu, trần trở khi thấy chúng đang dần phai pha trong cuộc sống hiện đại. Về sáng đẹp ở những tác phẩm của Nguyễn Xuân Khánh nhiều vô số kể. Tuy nhiên, với bài viết này, chúng tôi lựa chọn đi sâu vào phương diện nhân vật nhà sư hoàn tục trong tiểu thuyết *Hồ Quý Ly* và *Đội gạo lên chùa*.

### 1. Khái quát về nhân vật văn học nói chung và nhân vật nhà sư hoàn tục nói riêng

Thuật ngữ “nhân vật” xuất hiện từ rất sớm (tiếng Hy Lạp: *persona*, tiếng Anh: *personage*, tiếng Pháp: *personnage*, ...). Trong tiếng Hy Lạp cổ, *persona* lúc đầu có nghĩa là chiếc mặt nạ - một dụng cụ biểu diễn trên sân khấu của các diễn viên. Về sau, từ này được sử dụng để chỉ nhân vật.

Khái niệm nhân vật văn học được nhiều công trình nghiên cứu đề cập. Chúng tôi sẽ đi qua một vài quan niệm tiêu biểu để làm tiền đề cho quá trình nghiên cứu. *“Nhân vật là yếu tố cơ bản nhất trong tác phẩm văn học, tiêu điểm để bộc lộ chủ đề, tư tưởng chủ đề và đến lượt mình nó lại được các yếu tố có tính chất hình thức của tác phẩm tập trung khắc họa. Nhân vật do đó là nơi tập trung giá trị tư tưởng - nghệ thuật của tác phẩm văn học”* (Lê Bá Hán, và cộng sự, 2010: 86). Lại Nguyên Ân (2017) lại xem xét nhân vật trong mối tương quan với cá tính sáng tạo, phong cách nhà văn, khuynh hướng, trường phái văn học: *“Nhân vật văn học là một trong những khái niệm trung tâm để xem xét sáng tác của một nhà văn, một khuynh hướng, trường phái hoặc dòng phong cách. Nhân vật văn học là hình tượng nghệ thuật về con người. Một trong những dấu hiệu về sự tồn tại của con người trong nghệ thuật ngôn từ. Bên cạnh con người, nhân vật văn học có khi là con vật, các loài cây, các sinh thể hoang đường*

*được gán cho những đặc điểm con người”*. Hà Minh Đức (2001) phát biểu: *“Nhân vật văn học là một hiện tượng mang tính ước lệ. Đó không phải là sự sao chụp mọi chi tiết biểu hiện của con người mà chỉ là sự thể hiện con người qua những đặc điểm về tiểu sử, nghề nghiệp, tính cách”* ...

Mặc dù có nhiều quan niệm khác nhau về nhân vật văn học nhưng chúng ta có thể tìm ra được nhiều điểm chung giữa các quan niệm ấy. Cụ thể như nhân vật văn học là đối tượng mà văn học miêu tả, được xây dựng bằng những phương tiện nghệ thuật nhằm phản ánh đời sống hiện thực; là yếu tố cơ bản nhất của tác phẩm, mang tính chất ước lệ, thể hiện cá tính sáng tạo của nhà văn.

Nhân vật văn học là thành tố quan trọng giúp tác phẩm thành công. Vai trò của nó được khẳng định qua bốn khía cạnh cơ bản. Thứ nhất, nhân vật là phương tiện để nhà văn khái quát những quy luật của đời sống, thể hiện sự nhận thức, lý giải và ước mơ của con người. Thứ hai, nó là công cụ dẫn dắt ta vào một thế giới sống động, đa màu sắc; được ví như chiếc chìa khóa quan trọng giúp nhà văn mở rộng các mảng đề tài mới với nhiều tầng bậc khác nhau. Thứ ba, nhân vật là đối tượng giúp nhà văn chuyển tải tư tưởng, quan niệm nghệ thuật cũng như lý tưởng thẩm mỹ về cuộc đời, con người. Thứ tư, nhân vật giữ vai trò quyết định tạo nên mối liên kết giữa các yếu tố thuộc hình thức tác phẩm như cốt truyện, kết cấu, ngôn ngữ.

Nhân vật nhà sư hoàn tục là những nhà sư xả giới, từ bỏ con đường tu hành quay trở lại đời trần tục. Họ không còn mặc trang phục nhà Phật, không còn pháp danh, không cần phải giữ giới luật. Nhà sư hoàn tục có nhiều lý do khác nhau như chưa đủ bản lĩnh, quyết tâm đi theo con đường tu hành; bị quyến rũ bởi ái dục; do hoàn cảnh gia đình hoặc lịch sử, xã hội tác động...

## 2. Đặc điểm nhân vật nhà sư hoàn tục trong tiểu thuyết *Hồ Quý Ly* và *Đội gao lên chùa*

### 2.1. Đến với cửa chùa do sự đẩy đưa của số phận

Trong tiểu thuyết *Hồ Quý Ly*, Nguyễn Xuân Khánh đã dành một phần đề cập đến nhân vật Phạm Sư Ôn. Ông vốn là đứa con hoang, bị mẹ là một nô tì lỡ làng nào đó bỏ rơi ở cổng chùa. Bản thân ông không hề biết về gốc gác của mình. Quê quán ở đâu, cha mẹ là ai và tại sao lại bị bỏ rơi? Đó mãi mãi là một câu hỏi không lời đáp. Sư trụ trì, pháp hiệu Vô Trụ thương cái sinh vật côi cút, hằm hiu ấy liền đem về chùa nuôi.

Tuy là đứa con hoang do số phận đẩy đưa mà đến với cửa chùa nhưng Phạm Sư Ôn mang trong mình một sức sống phi thường. Cơm chùa chỉ có khoai sắn cho qua bữa giữa thời khốn khó nhưng cậu bé vẫn lớn nhanh như thổi. Lúc ban đầu, cậu được giao cho việc đuổi chim sáo, chim quạ không cho chúng phá hoại ruộng ngô, ruộng đậu quanh chùa. Vì nghe lời mách nước của những đứa trẻ trong xóm mà phạm tội sát sinh làm cho sư trụ trì lo lắng. Trụ trì liền giao cho nhiệm vụ khác là quét dọn, đánh chuông chùa. Sư Ôn còn được thầy Vô Trụ dạy học những lúc rảnh rỗi. Sư Vô Trụ ngạc nhiên khi theo dõi cái thân thể ngày càng cường tráng của chú tiểu và thấy trong đó một dòng nhựa sống đang tuôn chảy đến mức đầy ứ, dư thừa muốn bung ra. Ông muốn kìm hãm bản năng đầy hoang dã ấy nên bắt cậu dùng mài kính kệ, cày bừa ruộng vườn quần quật nhưng vẫn không có kết quả. Ngược lại, Phạm Sư Ôn lại càng muốn bung tỏa sinh lực của một anh chàng mới lớn. Trụ trì trong cơn lo lắng, bất an đã nghĩ ra cách gửi cậu cho một vị Thiên sư có võ công cao siêu. Từ đó, nhà sư trẻ liền lao vào nghề võ rất say sưa và tiến bộ rất nhanh.

Cậu vừa tập luyện võ nghệ vừa học hành kinh kệ nên đôi mắt cũng bớt sáng. Lúc đó, sư Vô Trụ mới thử phào nhẹ nhõm và ánh lên hy vọng vì đã có thể kéo chàng trai trẻ đi vào chánh đạo. Cuối cùng, Phạm Sư Ôn cũng được thọ giới đặt cho pháp danh là Thiên Nhiên tăng. Tức là “*vị tăng được tự nhiên sinh ra hay vị tăng có nhiều tính chất tự nhiên; âu cũng là một lời nhắc nhở. Qua ba mùa an cư kết hạ, sư Thiên Nhiên đã am hiểu phần nào giáo lý*” [1].

Ở tiểu thuyết *Đội gao lên chùa*, vào một đêm tháng ba lạnh đến xương tủy, trời tối đen như mực, mưa lất phất kéo dài, sư cụ Vô Úy chùa Sọ thấy lòng bất an, khó ngủ. Trong khi đó, con chó nuôi ở chùa cứ sủa không ngừng. Như một điềm báo trước, đêm nay chùa sẽ có người đến. Không phải một mà tới những hai người. Đó là Nguyệt và An trong cơn loạn lạc đã tìm đến nương nhờ cửa Phật. Theo lời kể của Nguyệt, Tây tổ chức cuộc càn quét lớn ở chân núi Thần Lăn để truy tìm Việt Minh. Những người dân vô tội như gia đình cô đã bị cuốn vào cuộc càn quét đầy máu và nước mắt ấy. Cha cô, ông xã Chích, tìm cách bảo vệ hai con, nhất là thằng An - đứa con trai độc nhất của dòng tộc bằng cách hối hã kêu con trốn đi rồi hai ông bà sẽ chạy sau. Thế nhưng, chỉ có chị em cô thoát khỏi hiểm nguy còn cả cha và mẹ đều bị Tây giết hại. Nguyệt, An phải ngày trốn đêm đi, ròng rã ba hôm đói khát mới tìm được đến chùa. Cô cắn rơm cắn cỏ van xin sư cụ mở lòng từ bi cho chị em cô được nương nhờ cửa Phật. Bởi họ đã đi đến bước đường cùng.

Với tấm lòng từ bi rộng mở, sư cụ Vô Úy dang rộng vòng tay đón nhận hai chị em vào nương nhờ nơi chùa Sọ. Tuy nhiên, chỉ có chú An được sư cụ đồng ý xuống tóc đi tu, được gọi là chú tiểu An. Sư Vô Úy không đồng ý cho Nguyệt xuống tóc bởi cụ

nhận ra cô rất đẹp, duyên nợ trần gian vẫn còn dài lâu. Từ những ngày đầu xuống tóc, mặc áo nâu sồng, An đã được sư Vô Úy chỉ dạy, giáo huấn về những quy tắc, luân lý của người Phật tử. Dù đầu óc còn rất non nớt nhưng An vẫn cố gắng ghi nhớ những lời giáo huấn, coi đó là nguồn sức mạnh giúp cậu vượt lên hoàn cảnh bi đát của bản thân. Bài học đầu tiên cậu được học chính là thiền. Sư cụ dạy rằng: *“Người chân tu lúc nào cũng phải tu. Đi cũng thiền. Ăn cũng thiền. Uống cũng thiền. Nói cũng thiền. Từng giây từng phút đều thiền...”* [9]. Những đêm đầu tiên ở một mình, An ngủ không được vì sợ ma. Cậu phân trần với sư cụ và được răn dạy *“Đây là đất Phật con ạ... Đất Phật nên trên đầu chúng ta luôn có tàn lọng của đức Phật che chở. Dù có nguy hiểm nào, núp dưới bóng râm của người thì cũng qua khỏi. Chẳng có ma chướng nào, chẳng loài nạ quỷ súc sinh nào đụng chạm được tới con... một người con của Phật... phải biết độc hành...”* [10]. Cứ thế, với phương châm giáo dục mưa dầm thấm lâu, sư Vô Úy đã từng bước giáo hóa An, đưa cậu đi theo bước chân của Như Lai lúc nào không hay. Với tư chất thông minh, sáng láng cùng duyên nghiệp với Phật pháp, An đã tiếp thu và không ngừng tiến bộ. Ngoài ra, An còn được thầy giáo Hải ở trường làng dạy cho biết chữ quốc ngữ; được sư bác Khoan Độ dạy võ để phòng thân khi gặp cơn nguy nan.

Sư thúc Vô Trần là học trò cuối cùng của sư tổ Vô Chấp, là em út của sư Vô Úy. Câu chuyện cậu bé Trần đến với cửa chùa cũng là một duyên nợ. Hồi đó, có một bà Phật tử khá giả ở phố Hàng Chiếu (Hà Nội) rất sùng mộ đạo Phật. Mỗi lần đi chùa, bà đều dẫn theo đứa con trai khoảng mười tuổi của mình. Suốt những năm tháng tuổi thơ sống cạnh chợ Đồng Xuân nhộn nhạo với

đầy rẫy những rối ren, bịp bợm, thầy chán nản, bất an nhưng khi đến thăm chùa Ôi nhìn khung cảnh hiền hòa, thanh bình, Trần lập tức bị ấn tượng mạnh. Mỗi lần đền chùa cậu bé như lột xác thành một con người khác. Cậu có thể ngồi hàng giờ trong mùi hương ngào ngạt để nghe sư cụ đọc kinh. Thấy Trần cung kính, lễ phép, sáng láng, sư cụ rất yêu quý và coi như người nhà của chùa Ôi. Bỗng nhiên một hôm, Trần mất tích khiến gia đình bà phố Hàng Chiếu bị một phen hoảng hồn lao đi tìm khắp nơi mà vẫn bật vô âm tín. Người tìm ra cậu lại chính là sư cụ của chùa Ôi. Cụ phát hiện ra cậu bé đã trốn trong căn hầm nhỏ dưới đất pho tượng hộ pháp khổng lồ. Trần đã nhịn đói ba ngày, người lả đi mà vẫn gan lì bám trụ ở đó. Nhận được tin báo, gia đình bà phố tức tốc lên chùa Ôi để tìm con và truy tìm nguồn con. Cậu bé thành thực trả lời: *“Thưa mẹ, con đã nghĩ kỹ rồi. Con lạy mẹ. Con xin phép mẹ được cắt tóc đi tu. Lòng con đã nhuốm mùi thiền chỉ có vào chùa con mới thấy lòng mình thanh thản”* [11]. Sư cụ Vô Chấp khuyên cậu suy nghĩ kỹ vì đây là chuyện lớn, can hệ đến cả đời người. Bố mẹ cậu cho đó chỉ là sự nông nổi của trẻ con nên một thời gian sẽ quên. Ai ngờ, cứ hể hờ ra là cậu lại trốn xuống chùa Ôi. Cuối cùng, cả sư phụ Vô Chấp và gia đình bà phố Hàng Chiếu cũng phải chấp nhận cho cậu đi tu. Sư phụ ban cho pháp danh Vô Trần. Có được đệ tử tư chất thông minh, một lòng một dạ hướng đạo, sư Vô Chấp vui mừng, đi đâu cũng dẫn theo và giáo huấn cho cậu từng ngày. Khi quay về chùa Sọ - ngôi chùa mà người bắt đầu tu hành, sư phụ cũng đem Vô Trần đi theo. Bởi nơi đó là tổ đình, nơi tổ đấng luôn luôn thấp sáng. Có như thế con người mới hiểu được công sức của các tổ đã viên tịch, mới hiểu rõ vì sao người tu hành phải cố gắng giữ lửa cho tổ đấng.

Sư phụ Vô Chấp đã đem hết sở đắc ra truyền dạy cho người học trò yêu của mình. Đáp lại sự quan tâm ấy, Vô Trần vẫn dùi mài kinh kệ, sống theo khuôn phép chuẩn mực của người con Phật. Điều đó làm cho người hướng đạo ngày càng yên tâm và bàn giao mọi công việc nhà chùa cho Vô Trần quản lý. Lúc này, sư cụ cũng đã già rồi. Ông muốn tranh thủ thời gian đi thăm lại các ngôi chùa xưa, những nơi mình đã trụ trì và hiện tại giao cho các đệ tử trông nom. Rồi một hôm, cụ đeo tay nải lên vai, chống gậy về thăm chùa Ôi. Trước khi đi, sư phụ căn dặn Vô Trần ở nhà phải nhớ nhang đèn chu đáo, không được chệnh mảng tu tập, phải luôn tay luôn chân không được ngơi nghỉ khi thực hiện phận sự. Có như thế mới là kẻ chân tu.

Ba nhân vật Phạm Sư Ôn, chú tiểu An, sư Vô Trần mỗi người một cảnh ngộ khác nhau nhưng đều có duyên với cửa chùa. Con đường đến với ánh sáng Phật pháp của họ đầy gian truân với sự đẩy đưa của số phận. Điều may mắn là cả ba được những bậc chân tu đặc đạo tiếp nhận và đầy tâm huyết dạy bảo. Đó là hành trang để họ mang theo bên mình khi dẫn thân vào đời gió bụi sau khi hoàn tục.

## 2.2. Hoàn tục vì chưa dứt duyên nợ trần gian

Duyên nợ trần gian được hiểu đơn giản là con người bị cuốn vào vòng tục lụy với muôn vàn tham, sân, si. Vậy nên, các nhân vật nhà sư trong tiểu thuyết của Nguyễn Xuân Khánh đã phải hoàn tục quay lại với đời, rời xa cửa chùa để dẫn bước vào đời với bao phong ba bão táp. Âu đó cũng là cái nghiệp mỗi người phải gánh, là nợ trần gian họ phải trả. Ánh sáng của Phật pháp luôn chiếu rọi muôn nơi, luôn phổ độ chúng sinh nhưng lựa chọn con đường nào cho bản thân còn tùy thuộc vào căn tính của mỗi người.

Cứ tưởng đã phần nào thẩm thấu giáo lý nhà Phật, Phạm Sư Ôn sẽ kìm nén được bản năng rồi dần dần an nhiên, tự tại để tuân theo giới luật. Thế nhưng, Thiên Nhiên tăng đã vi phạm khi lao vào ái tình với em Sáo - cô gái ở làng bên, làm công cho ông Trần Tùng, người có giọng hát véo von át cả tiếng cầu kinh, tiếng chuông chùa. Cô gái ấy đã có ý đồ cưa cẩm Thiên Nhiên tăng từ trước. Vào hôm lễ hội phóng sinh trên chùa làng, cô mang theo cái lồng chim sáo bên trên có phủ chiếc khăn vuông, bốn góc có những quả đào. Khi con sáo bay ra khỏi lồng, cô gái ấy giơ tay nắm chặt cổ tay thầy Thiên Nhiên và cười khiến Thiên Nhiên tăng thẹn đến mức mặt đỏ bừng bừng. Lúc sau, tăng đã quên sự việc nhưng cô gái kia thì không. Hằng ngày, cô đến cắt cỏ quanh chùa và hát véo von ngoài đồng. Tiếng hát như đánh thức, như mời gọi phần tự nhiên trong lòng anh thầy chùa trẻ măng. Dù đã cố cưỡng lại nhưng vào một đêm như bị ma ám, quỷ dẫn đường, Thiên Nhiên vượt tường rào, trốn chùa đến gặp Sáo bên hồ thiên nhiên, cạnh một lều vịt. Cô nô tỳ rách rưới nhưng trắng ngút ngàn đứng sẵn ở đấy chờ đợi cùng câu nói đa tình “*Em đã gọi anh gần hết một tuần trăng. Gọi từ lúc trăng khuyết, qua lúc trăng tàn và đến nay lại khuyết...*” [2]. Nhà sư trẻ đã không thể cầm lòng được. Nào là giới luật, nào là không được tham ái mà phải diệt dục cũng trở nên vô nghĩa lý trong đêm trăng đẹp cạnh người con gái ngồn ngộn sức sống. Anh đã ân ái với cô thâu đêm: “*Con ngựa hoang đã gặp lại đồng cỏ và nó đã sống cương chẳng chịu quay về chuồng xưa*” [3]. Cũng từ đêm đó, trong lều cỏ, Phạm Sư Ôn mới hiểu được hai chữ Thiên Nhiên. Cô nô tỳ đã hé lộ cho anh thấy gương mặt thiên nhiên, cái kỳ lạ của thiên nhiên, cái bay bổng mê hồn của thiên nhiên, cả tòa thiên nhiên ngọc ngà của

cô khiến dục vọng cũng trở dậy tự nhiên, hồn nhiên nhất. Suốt một tháng ròng, đôi trai gái đã quấn quýt vào nhau mà quên hết đất trời.

Nhìn Thiên Nhiên tăng bỗng gầy sọp hẳn đi, sư Vô Trụ ngạc nhiên. Nhìn vào đôi mắt anh, ông chột rùng mình. Đôi mắt đăm đăm trên gương mặt gầy guộc. Nằm trong đôi hồ mắt sâu trũng như có ánh lửa. Ông quyết tâm tĩnh tọa và tìm ra đáp án. Cuối cùng, trụ trì ngộ ra: tuy mình đã cố gắng rất nhiều để đưa Thiên Nhiên tăng đi vào chánh đạo nhưng đã không còn tác dụng. Bên trong con người kia, sức sống vẫn cuộn chảy ào ào, ánh mắt như thiêu như đốt với ngút trời dục vọng và tương lai sẽ còn làm những chuyện trái với người thường. Ông biết đó là nghiệp chướng, là gánh nặng mà Phạm Sư Ôn phải đeo mang từ khi ra đời. Sau tiếng thờ dài, sư trụ trì khuyên Thiên Nhiên tăng nên hoàn tục và hãy đi thật xa. Trước khi đi, ông căn dặn *“Dù làm gì, ta cũng khuyên con nên nhớ tới những điều răn dạy của đức Phật. Từ nay, con cũng nên quên đi trong lòng, không nhắc đến ngôi chùa này nữa, không nhắc đến tên ta làm gì nữa...”* [4]. Có lẽ, chính sự thấu triệt lẽ đời, sứ giả của Thích Ca đã nhìn ra tương lai đầy bão tố, đầy biến động, tang thương của đứa con hoang có duyên với cửa chùa trong một thời đoạn nhất định. Ông dặn dò để mong đệ tử của mình luôn giữ được thiện căn trong mọi hoàn cảnh, dặn đừng nhắc về ngôi chùa làng, về ông để tránh hậu họa. Thiên Nhiên tăng bỗng khóc nức nở trước lời dặn của thầy rồi quỳ xuống lạy ba lạy và rời khỏi chùa làng.

Anh đến bờ đầm thiên nhiên để tìm cô nô tỳ từng ân ái say cuồng suốt một tháng qua nhưng không thấy tăm hơi đâu cả. Quá chán nản, Thiên Nhiên bỏ đi tha phương cầu thực, dần thân vào con bão tố của lịch sử,

trở thành thủ lĩnh đám giặc cỏ chống lại triều đình. Kết quả cuộc tình đầu tiên và duy nhất của Phạm Sư Ôn với Sáo là một người con trai khôi ngô, tuấn tú, thông minh, lanh lợi, có tài năng hội họa và viết chữ rất đẹp tên Phạm Sinh. Ông chỉ nhận ra điều đó khi mình bị hành hình. Duyên nợ với đời, với cô nô tì kia đã đơm hoa kết trái. Duyên nợ ấy không bao giờ ông quên. Vì thế, lúc nhìn thấy chiếc khăn đỏ trùm lông chim sáo ngày xưa, ông nhận ra ngay và nhỏ nước mắt. Giọt nước mắt của ái tình vượt qua ngũ giới của nhà Phật, giọt nước mắt tiếc nuối vì không gặp được người xưa, giọt nước muôn màng nhưng rất sâu nặng, đọng đầy nghĩa tình.

*“Ba cô đội gạo lên chùa/ Một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư”*. Câu ca ấy vẫn được đám trẻ con ngân nga ở làng Sọ khi cố ý chọc ghẹo thằng Cấn, cố ý khơi lại một sự việc gây xôn xao xóm làng. Câu ca có liên quan đến nhà sư Vô Trần. Nó là minh chứng cho suy nghĩ: đừng tưởng đã xuống tóc làm nhà sư, đừng tưởng đã thấm nhuần giáo lý Phật là có thể rũ bỏ mọi duyên nợ trần gian. Lúc sư phụ Vô Chấp đi ngao du, Vô Trần đã thực hiện đúng như lời dạy của người và hoàn thành công việc hàng ngày. Thế nhưng, vào một đêm tịch tịch, Vô Trần nghe thấy tiếng khóc từ bãi tha ma vọng lại làm lòng xốn xang. Chàng như bị cuốn hút rồi mê hoặc vì tiếng khóc ấy. Nó ai oán, tỉ tê, lúc to, lúc nhỏ. Chủ nhân tiếng khóc là Năm - người trạc tuổi Trần, khỏe mạnh, không đẹp nhưng đôi mắt sáng lúng liếng. Cô khóc người đi vừa mới mất của mình. Cô khóc cho hoàn cảnh cô cút, lẻ bóng của bản thân khi không còn ai để tựa nương. Vô Trần dìu Năm vào nhà - đó cũng là lần đầu tiên chàng trai trẻ đụng chạm vào cơ thể người đàn bà với cảm giác đầy khác lạ, mê đắm cùng hương thơm đặc biệt. Nó giống



như hương thơm của những bông lúa ngâm sữa. Cả đêm đó, Vô Trần phải ngồi trong túp lều, bên bếp lửa cùng với Nấm và nghe cô kể về gia cảnh của mình. Ba hôm kể tiếp, Nấm về thăm ông anh và nhắn gửi với Vô Trần chiều ngày thứ ba em sẽ quay lại. Đêm thứ ba, lòng nhà sư Vô Trần diễn ra những biến động bất thường. Dù chàng đã quét sân chùa, đã tụng kinh gõ mõ nhưng tất cả đều không thể đè nén được cảm xúc khác lạ đang dâng tràn. Nó thôi thúc nhà sư trẻ phải xăm xăm băng đi vào rừng tre xào xạc gặp bằng được Nấm. Cô dẫn chàng đi lấy nấm dưới gốc rạ về nấu cháo. Cô nắm bàn tay dài, thư sinh của chàng dưới ánh trăng một cách vô tư và Vô Trần cũng không có chút phản ứng. Đôi bàn tay mà những người lao động như cô chẳng bao giờ có được. Bất chợt, hai cánh tay dài của Vô Trần bỗng trượt theo bờ vai ôm lấy cổ Nấm, toàn thân chàng run lên. Nấm chợt hiểu ra sức mạnh của mình và kiêu hãnh về điều đó: *“Ở đây cô là nữ thần. Ở đây, cô là hạnh phúc. Dưới ánh trăng ngút ngàn trần gian này cô còn hơn cả ngọc ngà châu báu. Khi cái yếm đào rơi xuống, Vô Trần đỡ lấy nó, nâng niu trên hai bàn tay, nghi lễ của một bước ngoặt, nghi lễ điểm đạo trần gian”* [12]. Họ đã hiển dương cho nhau dưới sự làm chứng của trăng sao, của rừng tre rì rào. Đêm hôm sau, Vô Trần lại tiếp tục tìm đến góc riêng tư của chàng và nàng để ân ái. Lần này, Nấm đã để cho Trần ở thế chủ động, để mình được hưởng hạnh phúc trọn vẹn. Và cũng từ đêm đó, Nấm hiểu Vô Trần sẽ chẳng bao giờ rời xa cô. Vô Trần hoàn tục, lấy Nấm làm vợ và phải bỏ làng ra đi. Chùa Sọ mất một vị trụ trì nên vô cùng tức giận và đổ mọi tội lỗi lên đầu Nấm.

Từ đầu đến cuối, nhà sư An vẫn giữ mình trong giới luật. Mặc dù vậy, đến cuối tiểu thuyết *Đội gạo lên chùa*, cậu đã chọn

cách hoàn tục. Chọn con đường này bởi An nặng nợ với Huệ - con gái của sư Vô Trần. Thực ra, từ khi còn ở làng Sọ, An và Huệ đã là đôi bạn thanh mai trúc mã, luôn xoắn xít cùng nhau. Khi đi bộ đội, Huệ làm y sĩ, bị thương, An tìm đến tận nơi hỏi han, chăm sóc. Cũng vì cô mà An phải phạm tội sát sinh khi dùng súng bắn một con nai để kiếm đồ ăn có chất dinh dưỡng. Sau này, khi Vô Trần mất, Huệ bơ vợ không nơi nương tựa, lại mặc cảm vì thân thể không còn nguyên vẹn. Cảm thương cho số phận ấy, An đã hoàn tục cưới cô làm vợ, dựng xây một gia đình hạnh phúc.

Ái tình có một sức mạnh lớn lao, có thể cuốn tất cả mọi người vào vòng xoay bất tận với những cung bậc ni non. Ngay cả những nhà sư đã tìm cách an trú cuộc đời dưới bóng từ bi cũng bị nó “hạ gục”. Chúng ta không phán xét điều đó đúng hay sai, tốt hay xấu? Bởi nó còn tùy duyên, còn gắn với nhân quả, nghiệp báo của mỗi người. Phạm Sư Ôn, An, Vô Trần đã không dứt được duyên nợ trần gian, đã không cưỡng lại được sắc dục nên phải hoàn tục đi theo ngã rẽ của cuộc đời riêng.

### **2.3. Hoàn tục trong bối cảnh đầy biến động của lịch sử**

Tiểu thuyết *Hồ Quý Ly* lấy bối cảnh chủ yếu là xã hội Việt Nam trong giai đoạn cuối thời nhà Trần đầu thời nhà Hồ. Lúc ấy, nhà Trần đã đi vào thời kỳ mạt vận. Trần Nghệ Tông - một ông vua già ôn hòa đến mức nhu nhược, luôn nỗ lực tìm mọi cách để níu kéo hào quang còn vương sót lại của tổ tông. Trong khi đó, thái sư Hồ Quý Ly nổi lên nhanh chóng, gây dựng thế lực với ý đồ thoán ngôi nhà Trần, thay đổi triều đại đi theo con đường sáng (Minh Đạo). Nội bộ triều đình lúc bấy giờ tuy bề ngoài nhìn có vẻ tĩnh lặng nhưng sóng ngầm bên trong vẫn không ngừng trào lên với hai phe chủ

yếu. Một bên là phe bảo thủ của tôn thất nhà Trần cùng những người trung thành tuyệt đối. Một bên là phe cách tân do Hồ Quý Ly đứng đầu với học thuyết Minh Đạo gây ra nhiều tranh cãi. Hai phe đấu đá nhau kéo triều đình và đất nước vào thời thiên tụy. Trong khi đó, dân tộc phải đối mặt với họa ngoại xâm. Phía Nam, quân đội Chiêm Thành hùng hậu, dững mãnh dưới sự chỉ huy của Chế Bồng Nga đã làm cho chúng ta nhiều phen lao đao. Phía Bắc, nhà Minh đang củng cố lực lượng, không ngừng ý định bành trướng và thôn tính phương Nam. Bối cảnh lịch sử ấy đã kéo bao chúng sinh vào cảnh lâm than, tang tóc, đau thương. Nhà sư Phạm Sư Ôn cũng hoàn tục trong thời điểm ấy.

Sau khi rời khỏi chùa làng, Phạm Sư Ôn đi lang thang khắp nơi rồi tập hợp những thành phần du thủ du thực, lục lâm thảo khấu không phải để lập nên một đám cướp tầm thường mà tạo thành một đám quân nổi loạn với mưu đồ táo bạo: lật đổ vương triều nhà Trần thối nát. Ông nổi dậy đầu tiên ở lộ Quốc Oai rồi xưng vương lập một triều đình riêng và được quân lính giới thiệu: *“Đức ông xưa kia tu hành theo đức Phật lại giỏi pháp thuật, chữa bệnh cứu người. Nay thấy vua tôi nhà Trần won hèn, thối nát, đức ông Phạm Sư Ôn đã dấy binh, tập hợp người nghèo khổ lưu tán thành đội quân bỏ tất chống lại triều đình”* [5]. Sau lời giới thiệu có hàng ngàn, hàng vạn người tham gia. Họ nuôi dưỡng khát vọng lật đổ triều đại, thay đổi sơn hà và có cuộc sống ấm no. Thiên Nhiên chia quân lính thành ba đội: Thần Kỳ, Dũng Đấu, Vô Hận và tập luyện bày binh bố trận nhanh chóng. Ông còn cho thêu lá cờ to với bốn chữ đầy khí thế “Diệt Trần, bình Chiêm” rồi hùng hực tiến vào Thăng Long. Thế quân tiến vào kinh đô mạnh như chẻ tre, không gặp một sự cản trở nào. Có

điều đó là do vua tôi nhà Trần dưới sự tham mưu của thái sư Hồ Quý Ly đã làm kẻ thanh dã. Phạm Sư Ôn theo lời khuyên của Phạm Sinh chỉ trụ ở kinh đô ba ngày rồi rút đi vì nơi này dễ công khó thủ, cẩn thận đang thì thế chủ động chuyển sang bị động. Sau khi rút đi, đội quân bỏ tất hân hoan, sung sướng. Họ đã thiếu cảnh giác để cho quan quân nhà Trần quay trở lại đánh úp. Đội quân ô hợp, không được rèn giũa binh đao, thiếu kỷ luật nên vỡ trận nhanh chóng. Kẻ bị bắt, kẻ bỏ trốn lên rừng quay lại cuộc sống trộm cướp như xưa. Riêng Phạm Sư Ôn bị bắt và xử tội chết.

Ánh mắt hùng hực đầy hoang dại của Phạm Sư Ôn mà sư thầy Vô Trụ nhìn thấy luôn sẵn sàng thiêu trụ mọi thứ trên con đường đi tìm hạnh phúc. Đó có thể là hạnh phúc cá nhân hay hạnh phúc cho muôn dân. Muốn đạt được điều đó phải hoàn tục, phải quay lại với lấm lem bụi trần. Quá trình hoàn tục của Thiên Nhiên tăng đã gắn với cơn bão táp của triều Trần. Tiếc thay, tuy ông có tâm tốt nhưng thiếu tư chất của người lãnh đạo, thiếu sự thông minh, am hiểu binh pháp, thiếu những mưu sĩ trí thức bên cạnh để hướng dẫn. Đó cũng là lời nhắc nhở có giá trị cho những ai muốn mưu cầu đại sự.

Khi chú bé Trần nhất quyết xin đi tu, sư cụ Vô Chấp đã tiên đoán: *“Sự nhiệt tình ở một con người thông minh... rồi con người sẽ gặp bao cảnh đời gặp ghênh mới lạ... Sự cuồng nhiệt... sự thông minh sẽ gặp bao nẻo rẽ trên con đường trần thế... Người càng cuồng nhiệt, thông minh càng dễ đổi thay”* [13]. Sự tiên đoán ấy đã chính xác khi Vô Trụ và cô Năm ăn nằm với nhau. Họ có được hai người con là Cẩn và Huệ. Sau khi bỏ làng, hai vợ chồng lặn lội lên Hà Nội, tìm đến xóm nghèo Cầu Gỗ bên sông Tô Lịch tìm kế sinh nhai. Họ may mắn được ở trọ

nhà ông Tập – một trí thức bất mãn với thời cuộc. Hàng ngày, Huệ buôn thúng bán bưng lại khéo xoay sở nên cuộc sống gia đình cũng tạm ổn. Vô Trần sau khi hoàn tục theo bạn bè đi làm phu hồ, câu cá và được ông Tập truyền nghề thợ cạo. Với sự thông minh, khéo léo, tinh ý, chẳng mấy chốc, Vô Trần đã lành nghề, được nhiều người biết đến.

Cũng do nhân duyên, Trần gặp được Trí - con trai ông chủ nhà trọ, được giác ngộ, đi theo cách mạng. Đó là thời kỳ đầy biến động đi suốt chiều dài lịch sử dân tộc từ khi chống Pháp đến cải cách ruộng đất rồi chống Mỹ ác liệt. Những thời điểm ấy, chúng sinh đều phải trải qua nhiều cơn điều linh. Sự sẵn lòng Việt Minh của lũ tay sai cho Pháp, điển hình là tên Tây lai Bernard. Hắn bắt chấp mọi thủ đoạn để tra tấn, đánh đập, thậm chí giết hại không thương tiếc những người liên can hoặc không liên can. Ngay cả sư trụ trì chùa Sọ cũng không thoát khỏi kiếp nạn. Chỉ vì tình cờ phát hiện Việt Minh trong căn hầm bí mật ở ao chùa, cụ bị bắt lên bột Tây, bị đánh đập đến gãy cả chân. Niềm vui ngày giải phóng thực dân Pháp chưa được bao lâu, cả nước bước vào thời kỳ cải cách ruộng đất với những màn đấu tố nảy lửa, những suy diễn vô lý, những kịch bản dàn ra để bắt ép người khác nhận tội khiến cho ai cũng khiếp sợ. Nó trở thành một phần đen tối trong lịch sử Việt Nam. Để rồi sau những tổn thương, những chà đạp đốn đau người ta quay ngoắt với hai từ “sửa sai” nhẹ tênh. Cuộc kháng chiến chống Mỹ nổ ra, những người như An, Vô Trần và hàng ngàn, hàng vạn sinh linh lại bị cuốn vào cuộc chiến đấu ác liệt đầy đau thương, chết chóc. Từ khi giác ngộ cách mạng, Trần đã từ từ thăng tiến lên làm cán bộ tình đội trong thời kỳ chống Pháp, trung tá, chính ủy trung đoàn trong thời kỳ chống Mỹ.

Nhà sư An chỉ thực sự hoàn tục khi đất nước được hoàn toàn giải phóng. Đó cũng là một trong những biến động lớn của lịch sử dân tộc. Cậu suy nghĩ khi chiến tranh chấm dứt sẽ trở về chùa Sọ để tiếp tục làm nhà sư. Thế nhưng, nợ trần gian với Huệ đã níu chân nhà tu hành. Cậu lập gia đình sống những ngày an vui, hạnh phúc.

Lịch sử Việt Nam có nhiều biến động, thịnh suy, chìm nổi. Mỗi giai đoạn đều có dấu ấn của riêng nó. Thế nhưng, chúng ta thấy cứ thay đổi triều đại, chế độ sẽ kéo theo những hệ lụy khác nhau. Đó là cái giá của lịch sử, cái giá con người phải trả như một kiếp nạn trong cõi nhân gian. Một bộ phận nhà sư cũng không tránh khỏi cơn binh lửa. Họ đã hoàn tục để nhập thế, hòa mình vào dòng chảy của thời cuộc và ít nhiều để lại bóng dáng trong sách vở, văn chương.

#### **2.4. Hoàn tục nhưng vẫn ứng xử theo giáo lý nhà Phật**

*Cư trần lạc đạo thả tùy duyên,*

*Cơ tắc xan hề khốn tắc miên.*

*Gia trung hữu bảo, hưu tầm mịch,*

*Đối cảnh vô tâm, mạc vấn Thiền.*

(Lê Mạnh Thát, 2000: 164)

Giữa cõi trần vui với Đạo hãy tùy duyên. Tinh thần tu Đạo tùy duyên của đức Phật hoàng Trần Nhân Tông đã nêu đúng quan niệm của nhà Phật. Đến với Đạo còn phải do duyên, phải có căn tu. Cố cưỡng cầu cũng không được. Tuy nhiên, mỗi chúng sinh đều ít nhiều có Phật tính. Vậy nên, dù có hay không đi theo con đường tu hành, Phật tính ấy vẫn tồn tại, vẫn hiện diện trong huyết quản của mỗi người. Hưởng chi những người như Phạm Sư Ôn, Vô Trần, chú tiểu An trong hai tiểu thuyết *Hồ Quý Ly*, *Đội gạo lên chùa* của Nguyễn Xuân Khánh đã có một thời gian dài tắm mình trong bầu khí quyển của Phật pháp, được nghe lời giáo huấn của những bậc chân tu đắc đạo. Vì thế,

dù có hoàn tục, họ vẫn ứng xử theo giáo lý nhà Phật.

Khi thành lập đội quân bò sát với khẩu hiệu “diệt Trần, bình Chiêm”, Phạm Sư Ôn ra quân lệnh nghiêm cấm thuộc hạ tàn sát, cướp bóc của những người dân lành. Họ chỉ ra tay trừng trị những kẻ tham quan ô lại, những kẻ trọc phú có nợ máu với nhân dân, chỉ lấy của người giàu chia cho người nghèo. Đoàn quân tiến vào Thăng Long, dân chúng đều rất ngạc nhiên, vui sướng trước cách ứng xử ấy. Đến Thăng Long, việc làm đầu tiên, Phạm Sư Ôn mặc áo nâu, đầu cạo trọc, đến dâng hương cúng Phật tại chùa Báo Thiên. Tiến vào đất Phật, ông ra hiệu cho đoàn tùy tùng dừng lại và nói: *“Đây là cửa Phật từ bi. Mọi vũ khí phải để bên ngoài”* [6]. Lúc này, đôi mắt ông bỗng nhiên dịu lại, dáng điệu nhẹ nhàng, khiêm nhường. Đức ông của đoàn quân Phật thấp hương, cung kính quỳ lạy, đầu cúi rạp sát đất: *“Xin đức Phật từ bi tha tội cho kẻ tăng đồ nghịch này. Chỉ vạn bất đắc dĩ. Xin người giúp đỡ cho con phá bỏ được vương triều uon hèn, thói nát này và đánh tan được giặc Chiêm Thành hung bạo”* [7]. Đó là tinh thần sám hối của một người khi biết mình sai và cầu xin sự tha thứ. Đó còn là lời cầu xin mong đức Thế Tôn thấu hiểu và phù hộ cho việc làm ý nghĩa. Ngay cả lúc bị bắt, áp giải về Thăng Long để chịu tội chết, ông vẫn quay mặt về ngọn tháp Báo Thiên quỳ xuống cúi đầu: *“kẻ nghịch đồ xin cúi lạy đức Phật từ bi, xin được người xá tội. Thực ra con chỉ theo lời đức Thế Tôn, cố đem hạnh phúc lợi lạc cho chúng sinh làm than đôi khổ”* [8]. Lạy thứ hai, ông hướng về đồng đảng bị bắt chung; lạy thứ ba hướng về dân chúng đang xem buổi hành quyết với nội dung xin họ tha thứ vì nghiệp lớn không thành, chỉ anh hùng chưa thỏa đã phải đầu rơi máu chảy.

Phạm Sư Ôn hoàn tục nhưng những lời căn dặn của sư thầy Vô Trụ không bao giờ ông quên. Ông luôn nhắc nhở mình ứng xử theo giáo lý nhà Phật, phải biết hành thiện cứu người. Tuy trăm luân khổ ải, tay nhuộm máu trong cơn binh lửa nhưng những hành động của ông vẫn phảng phất Phật tính, vẫn có điều níu giữ ông lại đứng về chánh đạo. Chính vì vậy, lúc thấy ông lạy Phật, lạy đồng đảng, lạy nhân dân ai nấy đều rung rung nước mắt. Họ hiểu, đồng cảm, trân trọng, xót xa cho một nhà sư hoàn tục mang chí lớn nhưng lại “lực bất tòng tâm” trước thời cuộc.

Mặc dù đã trở thành một nhà cách mạng có tiếng tăm, thậm chí thét ra lửa nhưng Vô Trần vẫn giữ phép tắc của người từng được cảm hóa bởi giáo lý của nhà Phật. Về làng Sọ nghe tin sư phụ Vô Chấp đang ốm, anh vội vã đến thăm. Khi thấy bóng dáng gầy gò của người thầy đáng kính, Vô Trần sụp xuống đất nói: *“Học trò tội lỗi đã làm uổng bao công thầy dạy dỗ”* [14]. Đó là lời sám hối thực lòng của một người con vì chưa dứt được nghiệp trần gian đã phụ lại công lao dạy dỗ, phụ lại sự trông chờ, hy vọng của bậc cao tăng. Tinh thần ăn năn ấy cũng được khởi phát từ sự thấm nhuần chân lý nhà Phật. Biết mình làm sai phải nhận. Quay đầu là bờ. Ánh sáng của Phật pháp vô biên, vi diệu sẵn sàng từ bi, hỷ xả cho những người biết nhận ra lỗi lầm. Trước sự thành tâm ấy, sư Vô Chấp đã ban cho những lời vàng ngọc ví như pháp thoại: *“Con chưa đủ duyên lành để hoàn toàn rũ bỏ trần ai. Cũng chẳng sao đâu... Chỉ có điều, dù là tăng hay tục, con cũng không bao giờ được quên lời đức Thế Tôn đã dạy”* [15]. Nghe lời giáo huấn, Vô Trần khóc nức nở và hoàn thành tâm nguyện của sư phụ đi tìm sư huynh Vô Úy về để thay thầy nhận chức trụ trì chùa Sọ.

Nhận được thông tin, đồng chí An xuất thân nhà sư, tu ở chùa Sọ, đi lính nhưng khi đụng độ với giặc chỉ bắn lên trời, không tiêu diệt kẻ thù, dù cậu ta là một thiện xạ. Chính ủy Vô Trần đã gặp gỡ, trò chuyện với An. Nội dung cuộc trao đổi ấy cũng thấm nhuần tinh thần nhập thế của đạo Phật. Nó được phát ngôn từ một người thuộc lâu kinh sử, được dẫn dắt bởi bậc chân tu cùng những trải nghiệm đắt giá qua thực tế. Ông Trần dẫn giải nhân chứng như Gandhi, Trần Nhân Tông, cả câu chuyện của đức Thế Tôn với Anandà để An thấu hiểu con đường tu hành luôn rộng mở, đạo Phật luôn biến hóa trong mọi khía cạnh của đời sống, nhập thế hay xuất thế cũng phải tùy vào hoàn cảnh cụ thể. Ông luôn nghĩ mình đi theo con đường cách mạng, lãnh đạo nhân dân, tiêu diệt kẻ thù xâm lăng là đang góp phần dựng xây cõi Niết Bàn cho ngày hôm nay và tại mảnh đất này. Ông Trần thấu triệt và dung hòa tuyệt vời giữa chân lý nhà Phật (từ, bi, hỷ, xả) với lý tưởng của mình. Ông nói: *“Tôi đi theo cách mạng mấy chục năm nay. Tôi thấy cách mạng cũng cần bốn đức hạnh ấy vì cách mạng nói mình đại diện cho văn hóa dân tộc”* [16]. Cuộc trò chuyện thân tình nhưng nhằm mục đích đã thông tư tưởng cho An của chính ủy Trần nhuộm đầy màu sắc Phật giáo. Đó là sự ứng dụng không cứng nhắc, là minh chứng cho câu chuyện kinh điển khi đức Phật mượn nắm lá khô cầm trên tay mình nói với Anandà: *“Ta đã cho con một nắm chân lý. Nhưng ngoài chúng ra, vẫn còn muôn vàn chân lý khác không tài nào đếm xuể”* [17]. Quả không sai khi nhận định: *“Phật giáo Việt Nam là Phật giáo chúng sinh, đã có nhiều thế kỷ đồng hành và để lại dấu ấn sâu đậm trong đời sống tinh thần của dân tộc. Phật khuyến thiện nhưng vì cái thiện mà phải đấu tranh với cái ác. Đương đầu với các thế lực đe*

*dọa đến vận mệnh dân tộc cũng là một phương thức hành thiện. Chính tinh thần ấy đã chi phối cách xây dựng nhân vật và giúp cho Nguyễn Xuân Khánh điềm nhiên giải quyết các tình huống truyện một cách rất “đạo” mà cũng rất “đời”*” (Lê Tú Anh và Nguyễn Thị Thanh Nga, 2017).

Nhận được sự ký thác của bạn thân ông Trần về Huệ, An quay về chùa Sọ lãnh nhận di huấn của sư phụ Vô Úy: tùy duyên. Chính lúc đó, cậu mới đón ngộ việc đến với Huệ, cưới cô làm vợ cũng là một cách hành đạo trong cuộc đời. Họ nên duyên chồng vợ, sống an nhiên, cống hiến cho những người xung quanh. Vì Huệ từng là y sĩ nên hai vợ chồng đã đề đạt ý kiến với trạm y tế mở nơi khám bệnh miễn phí cho người nghèo. Nhờ am hiểu cả đông - tây y cùng tấm lòng bỏ tất, hai vợ chồng An giúp đỡ được nhiều người, ngay cả khi họ bị bệnh nan y. Dù hoàn tục nhưng An cùng những người xung quanh vẫn không rời xa đức Thế Tôn. Nhà cậu có am thờ Phật. Vào rằm tháng Tám, gia đình vẫn làm bánh, dâng hoa cúng Phật để duy trì đời sống tâm linh an lành, để nhắc nhở bản thân về ơn cứu độ trong những tháng năm khổ ải của cuộc đời. Ánh sáng nhiệm màu của Phật pháp vẫn chiếu rọi cuộc đời, dẫn dắt họ đi tìm con đường hạnh phúc cho mình, cho người.

Tăng hay tục, Phật hay đời... cũng chỉ tương đối. Tất cả còn tùy duyên, còn phụ thuộc vào căn tính của mỗi người. Điều quan trọng là chúng ta sống biết hướng thiện, biết phát nguyện làm điều lành, biết khêu đèn Phật, gieo hạt bồ đề ở mọi lúc mọi nơi. Phạm Sư Ôn, Vô Trần, An, ... hoàn tục nhưng không có nghĩa là họ đi vào con đường sai trái, tội lỗi. Họ tỉnh thức mình phải luôn có trí tuệ, từ bi, hỷ xả trong mọi cảnh ngộ để xứng đáng là đứa con của Phật. Hoàn tục cũng là một cách tu. Tu giữa

đường, giữa chợ, tu giữa cõi nhân gian đầy bụi trần. Đó mới là sự đốn ngộ thực sự, mới là tinh thần cốt lõi của Phật giáo. “*Như thế, đạo Phật qua sự thể hiện của nhà văn Nguyễn Xuân Khánh dồi dào tính dân chủ, nó mở ra rất nhiều khả năng cho chúng sinh lựa chọn*” (Nguyễn Xuân Kính, 2015).

### Kết luận

Ý thức được việc mỗi người đều có ánh sáng trong mình, mỗi chúng sinh chúng ta hãy bình tâm suy xét, tinh táo tìm ra con đường đi để tự phát sáng. Ánh sáng sẽ dẫn dắt chúng ta đi vào chánh đạo, tránh đọa vào ngã quỷ. Nhân vật nhà sư hoàn tục Phạm Sư Ôn, Vô Trần, An đã phát sáng theo cách của riêng mình. Họ bị số phận đẩy đưa vào cửa chùa, được giáo huấn bằng các tín điều của nhà Thích Ca nhưng rồi lại hoàn tục khi nghiệp trần gian vẫn chưa trả xong, khi thời buổi loạn ly, biến động. Thế nhưng, trong bất cứ cảnh ngộ nào, họ vẫn sống, vẫn ứng xử theo giáo lý nhà Phật. Đó cũng là cách hành lạc ở đời sống hằng ngày.

### Chú thích

- [1] Nguyễn Xuân Khánh (2000). *Hồ Quý Ly*. Hà Nội, Nxb Phụ nữ, 200.  
 [2] [3] Sdd, 201. [6] [7] Sdd, 214.  
 [4] Sdd, 203. [8] Sdd, 220.  
 [5] Sdd, 195-196.  
 [9] Nguyễn Xuân Khánh (2018). *Đội gạo lên*

*chùa*. Hà Nội, Nxb Phụ nữ, 23.

- [10] Sdd, 25-26. [14] [15] Sdd, 130.  
 [11] Sdd, 80. [16] Sdd, 705.  
 [12] Sdd, 94. [17] Sdd, 702.  
 [13] Sdd, 81.

### Tài liệu tham khảo

- Hà Minh Đức (1997). *Lí luận văn học*. Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.  
 Lại Nguyên Ân (2017). *150 thuật ngữ văn học*. Hà Nội, Nxb Văn học.  
 Lê Bá Hán, Trần Đình sử, Nguyễn Khắc Phi (Đồng chủ biên) (2007). *Từ điển thuật ngữ văn học*. Hà Nội, Nxb Giáo dục.  
 Lê Mạnh Thát (2000). *Toàn tập Trần Nhân Tông*. Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb Tp. Hồ Chí Minh.  
 Lê Tú Anh và Nguyễn Thị Thanh Nga (2017). *Cảm thức vô úy trong Đội gạo lên chùa của Nguyễn Xuân Khánh*. Nguồn: <http://kxh.hdu.edu.vn/cam-thuc-vo-uy-trong-doi-gao-len-chua-cua-nguyen-xuan-khanh.html>  
 Nguyễn Xuân Kính (2015). Đạo Phật trong tiểu thuyết *Đội gạo lên chùa* và vai trò của nó trong cuộc sống hiện nay. *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 376. Nguồn: <http://vanhoanghethuat.vn/dao-phat-trong-tieu-thuyet-doi-gao-len-chua-va-vai-tro-cua-no-trong-cuoc-song-hien-nay.htm>